



NGÀNH MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM: Hành trình vì sự phát triển bền vững

NGUYỄN HÙNG THỊNH, Phó Cục trưởng
Cục Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Công tác bảo vệ môi trường (BVMT) ở Việt Nam luôn phát triển song hành với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội và quá trình hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước (QLNN). Từ nhận thức ban đầu về việc gìn giữ và khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đến việc hình thành hệ thống tổ chức thống nhất, lĩnh vực môi trường đã dần khẳng định vị thế là một trong ba trụ cột của phát triển bền vững (PTBV). Cùng với đó, cơ quan QLNN về môi trường qua các thời kỳ không ngừng được kiện toàn, mở rộng phạm vi chức năng và nâng cao năng lực quản lý, thể hiện sự quan tâm nhất quán của Đảng và Nhà nước đối với nhiệm vụ BVMT và PTBV đất nước.

1. CÁC THÀNH TỰU TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Huy động nguồn lực tài chính BVMT

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), công tác BVMT luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, thể hiện rõ qua việc từ năm 2006 ngân sách dành riêng cho lĩnh vực này (chi sự nghiệp môi trường) được thiết lập với mức tối thiểu không thấp hơn 1% tổng chi ngân sách nhà nước (NSNN), tạo chuyển biến lớn về nguồn lực phục vụ hoạt động quản lý môi trường ở các Bộ, ngành và địa phương. Từ năm 2008, chi sự nghiệp môi trường tăng đều qua các năm, đến năm 2024 đạt mức gần gấp 6 lần so với năm đầu, từ 4.142 tỷ đồng lên 23.715 tỷ đồng, cho thấy sự ưu tiên ngày càng rõ rệt đối với lĩnh vực này. Song song với đó, từ năm 2012, Bộ bắt đầu thu phí thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC) về môi trường, nguồn thu này tăng dần và trở thành khoản bổ sung đáng kể cho NSNN.

Việc Quốc hội lần đầu tiên thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012-2015 đã tạo cơ sở tập trung nguồn lực xử lý ô nhiễm tại các làng nghề, điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật. Trên cơ sở kết quả đạt được, Quốc hội tiếp tục phê duyệt Chương trình mục tiêu xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng thuộc khu vực công ích giai đoạn 2016-2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về môi trường và biến đổi khí hậu (BĐKH) giai đoạn 2021-2025, góp phần duy trì dòng đầu tư ổn định cho BVMT.

Cùng với đó, hợp tác quốc tế về BVMT được đẩy mạnh, nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam trong

thực hiện các cam kết môi trường toàn cầu, đồng thời huy động hiệu quả nguồn vốn ODA cho các lĩnh vực như bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH), quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm, BVMT lưu vực sông (LVS) và quan trắc môi trường. Nguồn lực đầu tư từ xã hội cho BVMT cũng được thúc đẩy mạnh mẽ, góp phần mở rộng nguồn tài chính ngoài ngân sách cho lĩnh vực này.

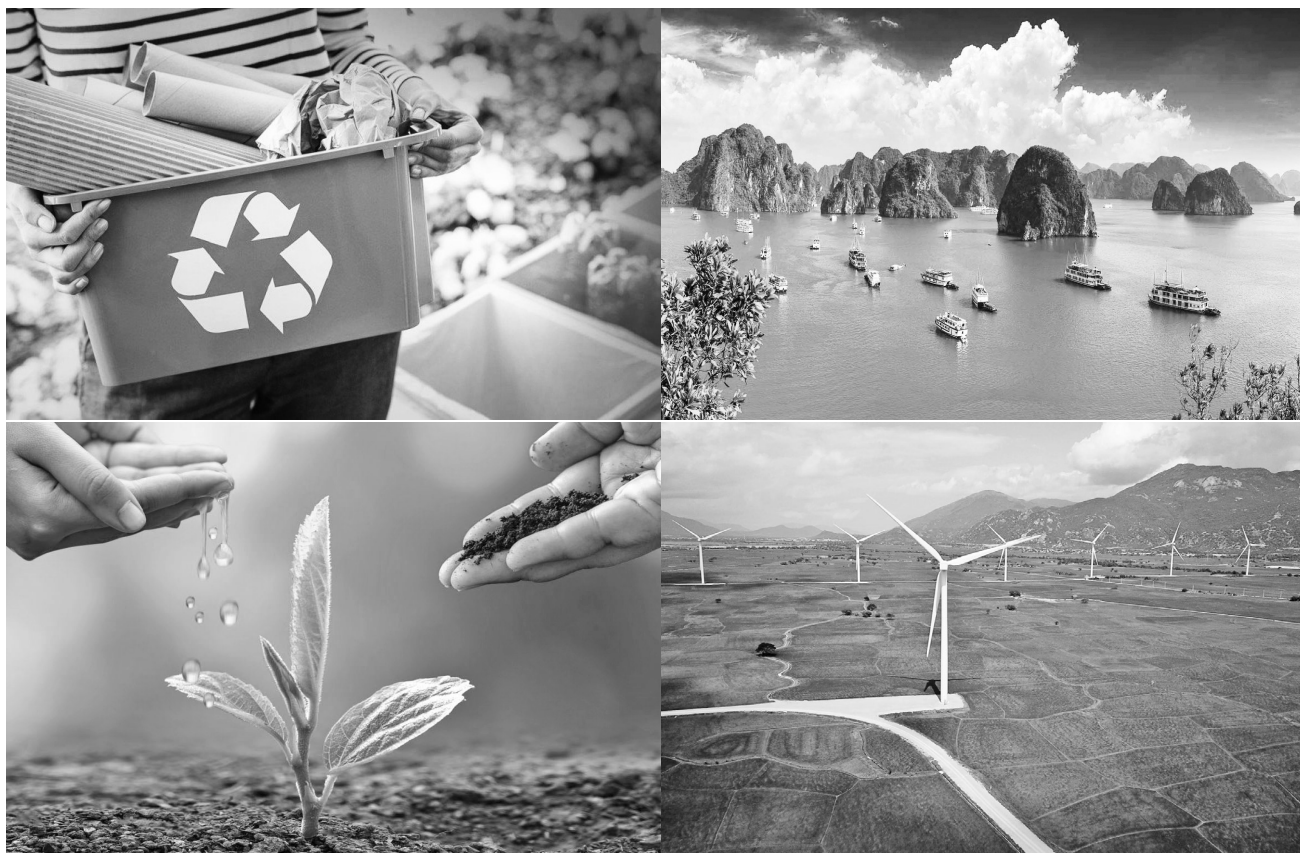
Tăng cường thực thi QLNN trong BVMT

Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, quy chuẩn về BVMT

Luật BVMT đầu tiên ra đời năm 1993 đã đặt nền móng cho công tác BVMT ở Việt Nam, mở ra giai đoạn hình thành hệ thống pháp luật chuyên ngành. Trải qua 33 năm, lĩnh vực này liên tục được hoàn thiện với nhiều văn bản quan trọng của Đảng và Nhà nước, thể hiện rõ sự nâng tầm trong tư duy quản lý. Có thể thấy điều đó qua Nghị quyết số 41-NQ/TW năm 2004 - văn kiện đầu tiên của Đảng đề cập trực diện tới yêu cầu BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH-HĐH), tiếp đó là Nghị quyết số 24-NQ/TW năm 2013 với cách tiếp cận toàn diện hơn về chủ trương, chính sách. Sau quá trình triển khai, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 56-KL/TW năm 2019 và gần đây nhất là Kết luận số 81-KL/TW năm 2024, tiếp tục khẳng định yêu cầu chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT trong bối cảnh mới.

Việc rà soát, điều chỉnh chính sách được duy trì thường xuyên, bám sát thực tiễn phát sinh. Đặc biệt, Luật BVMT năm 2020 (thay thế Luật năm 2014) đánh dấu bước chuyển căn bản về cách tiếp cận quản lý, đặt trọng tâm vào bảo vệ các thành phần môi trường và sức khỏe người dân - coi đây là tiêu chí quyết định trong hoạch định chính sách. Ngay sau khi Luật được ban hành, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch triển khai tại Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12/3/2021. Trên cơ sở đó, Bộ TN&MT (nay là Bộ NN&MT) cùng các Bộ, ngành hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn, gồm 3 Nghị định, 3 Quyết định, 8 Thông tư mới và tích hợp nội dung 2 Thông tư vào văn bản hiện hành, bảo đảm hành lang pháp lý đầy đủ để triển khai Luật.

Song song với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch triển khai Luật BVMT năm 2020 cũng được ban hành



Gìn giữ và khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, lĩnh vực môi trường đã dần khẳng định vị thế là một trong ba trụ cột của phát triển bền vững

tương đối đồng bộ, bao gồm: Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch BVMT quốc gia; Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia và các kế hoạch quốc gia về BVMT do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ở cấp địa phương, các tỉnh, thành phố đã chủ động xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí, môi trường nước mặt và nhiều kế hoạch quản lý môi trường khác theo hướng dẫn của Trung ương, thể hiện tính chủ động và trách nhiệm ngày càng cao.

Đối với hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, Chính phủ chỉ đạo xây dựng theo hướng đồng bộ, tiệm cận quốc tế và đáp ứng yêu cầu hội nhập. Giai đoạn 2016–2021 đã hoàn thành rà soát, xây dựng mới 13 QCVN và 59 TCVN; một số địa phương như Ninh Bình, Quảng Ninh, Hưng Yên cũng ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương phù hợp điều kiện thực tế. Từ năm 2022 đến nay, các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục rà soát, ban hành thêm 42 QCVN, 61 TCVN, 3 tiêu chuẩn cơ sở và 4 định mức kinh tế – kỹ thuật trong lĩnh vực môi trường, góp phần củng cố nền tảng kỹ thuật cho công tác quản lý và kiểm soát ô nhiễm trên toàn quốc.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hợp tác quốc tế và huy động sự tham gia của các tổ chức, cộng đồng

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về BVMT được triển khai mạnh mẽ ở cả Trung ương và địa phương, đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho xây dựng cơ chế, chính sách và pháp luật. Nhiều chương trình khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp quốc gia và cấp Bộ đã được triển khai phù hợp với từng giai đoạn phát triển KT-XH, tạo ra các kết quả nghiên cứu được ứng dụng hiệu quả trong quản lý nhà nước về môi trường. Nhiều văn bản quan trọng như Luật BVMT năm 2020, Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, hay Chiến lược quốc gia về ĐDSH đều kế thừa trực tiếp thành quả nghiên cứu khoa học, đồng thời góp phần hình thành các giải pháp, mô hình BVMT hiệu quả trên thực tiễn.

Hợp tác quốc tế tiếp tục là một trụ cột quan trọng hỗ trợ công tác BVMT, thể hiện qua việc Bộ chủ động tham mưu Chính phủ phê chuẩn, tham gia và ký kết 23 điều ước quốc tế về môi trường hoặc liên quan đến môi trường, giữ vai trò đầu mối quốc gia của 8 điều ước quốc tế, 3 thỏa thuận quốc tế và đầu mối hợp tác ASEAN về môi trường. Đặc biệt, các cam kết mạnh mẽ của Việt Nam tại các diễn đàn toàn cầu như Thỏa thuận Paris (COP21) và mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 tại COP26 cho thấy quyết tâm



trong xu thế phát triển ít phát thải, phù hợp với định hướng quốc tế.

Một dấu ấn rõ nét khác là việc triển khai nhiều chương trình, dự án lớn về BVMT với các đối tác song phương và các tổ chức quốc tế lớn, qua đó huy động hiệu quả nguồn lực quốc tế cho bảo tồn ĐDSH, quản lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm. Việt Nam cũng duy trì hiệu quả Văn phòng Tổ chức các Quan chức cao cấp ASEAN về môi trường và đảm nhiệm tốt vai trò đầu mối hợp tác trong khu vực thông qua việc tổ chức thành công nhiều sự kiện quốc tế và khu vực như Hội nghị quan chức cao cấp ASEAN về môi trường, Hội nghị Bộ trưởng Môi trường ASEAN, phiên họp Đại hội đồng môi trường Liên hợp quốc, góp phần nâng cao vị thế và tiếng nói của Việt Nam trong lĩnh vực môi trường.

Tổ chức thực hiện chấp hành chính sách, pháp luật, các công cụ, biện pháp quản lý và các TTHC về môi trường

Công tác phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm đã có bước chuyển rõ rệt, thể hiện ở việc ngành Môi trường tập trung quản lý nhóm cơ sở có nguồn thải lớn và nguy cơ cao – chỉ chiếm khoảng 20% tổng số cơ sở nhưng lại quyết định tới 80% nguy cơ ô nhiễm. Cách tiếp cận này giúp chuyển dần từ thể bị động sang chủ động trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, đồng thời nâng cao hiệu quả giám sát đối với các dự án sản xuất công nghiệp trong suốt quá trình xây dựng, vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại, bảo đảm hoạt động an toàn và đóng góp tích cực cho tăng trưởng.

Hệ thống quan trắc môi trường cũng được đầu tư đồng bộ và hiện đại hơn, với 135 trạm quan trắc không khí, 145 trạm quan trắc nước mặt tự động và hơn 2.000 trạm của các cơ sở truyền dữ liệu trực tiếp về cơ quan quản lý, tạo nền tảng quan trọng cho kiểm soát xả thải và cảnh báo sớm ô nhiễm. Bên cạnh đó, công tác đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường được hoàn thiện về quy trình theo hướng cải cách hành chính, phân công và phân cấp rõ ràng cho Bộ, ngành và địa phương. Đến nay, khoảng 60 chiến lược, quy hoạch đã thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (theo Luật 2014) và hơn 100 chiến lược, quy hoạch đã tích hợp nội dung này theo Luật năm 2020, giúp sàng lọc và điều chỉnh định hướng phát triển ngay từ giai đoạn lập quy hoạch; khoảng 15.000 dự án đầu tư đã thực hiện đánh giá tác động môi trường trên phạm vi cả nước.

Thông qua các công cụ này, nhiều dự án có nguy cơ tác động lớn đến môi trường đã được yêu cầu điều chỉnh hoặc dừng triển khai, như dự án mở rộng phân bón của Công ty TNHH Phú Châu, dự án Cảng Lạch

Huyện, thủy điện Đồng Nai 6 và 6A, khai thác quặng sắt Thạch Khê, khai thác bauxite tại Tây Nguyên hay khai thác đất hiếm tại Đông Pao (Lai Châu). Đây là minh chứng cho việc cơ chế thẩm định và giám sát môi trường đã thực sự phát huy hiệu quả phòng ngừa từ sớm, từ xa.

Hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) đã có bước tiến đáng kể trong 33 năm qua, thể hiện qua việc hầu hết các KCN đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung và kết nối quan trắc tự động. Đến tháng 4/2025, 299/315 KCN (94,9%) có hệ thống xử lý nước thải tập trung, tăng 18,6% so với năm 2016, và 100% trong số đó đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động truyền dữ liệu về cơ quan quản lý. Tỷ lệ CCN có hệ thống xử lý nước thải cũng tăng từ 8,9% năm 2016 lên 31,5% năm 2024, cho thấy sự chuyển biến rõ rệt trong việc tuân thủ yêu cầu BVMT.

Công tác BVMT làng nghề - lĩnh vực luôn được xem là khó khăn và phức tạp do quy mô nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu - cũng có những cải thiện đáng kể. Trong tổng số khoảng 2.255 làng nghề trên cả nước, tỷ lệ có hệ thống xử lý nước thải đạt yêu cầu đã tăng lên 16,6%, trong khi năm 2010 con số này dưới 8%. Việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012-2015 và lồng ghép nội dung xử lý ô nhiễm làng nghề vào Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2016-2020 đã tạo nguồn lực quan trọng để xử lý nhiều điểm nóng ô nhiễm. Đến nay, 34/47 làng nghề gây ô nhiễm nghiêm trọng đã triển khai các biện pháp khắc phục, nhiều nơi hoàn thành xử lý hoặc chuyển đổi ngành nghề, thu hẹp quy mô sản xuất và cơ bản không còn ô nhiễm; 13/47 làng nghề còn lại đang tiếp tục triển khai các giải pháp khắc phục.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về BVMT

Công tác thanh tra, kiểm tra về BVMT ngày càng trở thành một hoạt động trọng tâm, góp phần nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật. Việc tập trung thanh tra đột xuất đối với các cơ sở quy mô lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm cao đã tạo sức răn đe rõ rệt, buộc nhiều doanh nghiệp phải đầu tư cho hệ thống xử lý môi trường và tuân thủ nghiêm các quy định. Thông qua hoạt động giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm, ý thức chấp hành pháp luật về BVMT của doanh nghiệp và các tổ chức đã có chuyển biến đáng kể, từ tâm lý đối phó sang chủ động tuân thủ, đồng thời phát huy vai trò của người dân trong phát hiện, phản ánh các hành vi gây ô nhiễm.

Một điểm nhấn đáng chú ý là từ năm 2017, lĩnh vực môi trường đã thiết lập và vận hành hiệu quả đường dây nóng tiếp nhận phản ánh về ô nhiễm từ Trung ương đến địa phương, với trung bình hơn 2.000 tin



được tiếp nhận và xử lý mỗi năm. Cơ chế này không chỉ giúp kịp thời giải quyết các vụ việc, sự cố môi trường phát sinh mà còn thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm của cơ quan quản lý. Song song với đó, việc xây dựng hướng dẫn xử lý số liệu quan trắc online tự động đã hỗ trợ địa phương trong kiểm soát xả thải và xử lý vi phạm.

Kiểm soát chất lượng môi trường; phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường; xử lý triệt để các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng

Công tác kiểm soát chất lượng môi trường nước mặt được triển khai mạnh mẽ thông qua các đề án và kế hoạch quản lý LVS lớn như sông Cầu, sông Nhuệ - sông Đáy hay hệ thống sông Đông Nai, với hơn 50 phiên họp thường kỳ được tổ chức trong giai đoạn 2006–2020 nhằm đánh giá tình hình ô nhiễm và đề xuất giải pháp xử lý. Hiện nay, việc xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng nước cho 14 LVS liên tỉnh cùng với triển khai Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 24/1/2025 về kiểm soát ô nhiễm nước tại các lưu vực trọng điểm cho thấy quyết tâm phục hồi chất lượng nước quốc gia, đặc biệt tại các khu vực bị ô nhiễm nặng.

Song song với đó, kiểm soát chất lượng môi trường không khí được đẩy mạnh, nhất là giai đoạn 2021–2025, với nhiều giải pháp theo các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch hành động quốc gia. Việc đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc khí thải tự động, cùng với 18 trạm quan trắc không khí tự động và hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ kết nối, tích hợp dữ liệu, đã tạo cơ sở quan trọng cho cảnh báo sớm ô nhiễm và minh bạch thông tin chất lượng không khí. Công tác tuyên truyền hạn chế đốt rác, rơm rạ, cũng như tăng tần suất quan trắc, góp phần kiểm soát các điểm nóng ô nhiễm bụi tại đô thị.

Ở lĩnh vực phục hồi môi trường, nhiều kết quả nổi bật đã đạt được, đặc biệt trong xử lý tồn lưu hóa chất và ô nhiễm do phát triển công nghiệp và đô thị. Đến nay, 60 điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu đã được xử lý hoàn toàn; hơn 400 khu vực ô nhiễm mới được phát hiện và kiểm soát; 262 bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, 53 bãi rác và 21 kho thuốc bảo vệ thực vật gây ô nhiễm nghiêm trọng được xử lý. Tình trạng tồn lưu dioxin tại các vùng bị ảnh hưởng nặng đã cơ bản về mức an toàn, tiêu biểu là việc đưa sân bay Phù Cát ra khỏi danh sách điểm nóng cần xử lý khẩn cấp, đồng thời triển khai đúng tiến độ xử lý dioxin tại sân bay Đà Nẵng và Biên Hòa.

Môi trường trong khai thác khoáng sản cũng có chuyển biến tích cực, với việc giảm thiểu ô nhiễm tại các địa bàn trọng điểm như Quảng Ninh, Bình Dương, Đồng Nai. Nhiều mỏ sau khai thác được cải tạo thành

khu vui chơi, du lịch sinh thái hoặc phục hồi đất để trồng cây, mang lại giá trị sử dụng mới cho khu vực. Công tác xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng tiếp tục được duy trì, với hơn 92% cơ sở thuộc danh mục theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg đã được xử lý, cải tạo và không còn gây ô nhiễm nghiêm trọng.

Quản lý chất thải, phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

Công tác quản lý chất thải ở Việt Nam những năm qua đã có bước chuyển rõ rệt, thể hiện ở việc triển khai đồng bộ các giải pháp đối với chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại và nước thải đô thị, nông thôn. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 18%, tăng khoảng 11% so với năm 2010; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý cũng tăng mạnh, đạt trung bình 97,28% tại đô thị và khoảng 81,3% tại nông thôn, trong khi tỷ lệ chôn lấp giảm dần. Cả nước hiện có 1.548 cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chủ yếu là chôn lấp, phần còn lại xử lý bằng công nghệ đốt, phát điện hoặc sản xuất phân hữu cơ; một phần chất thải được tái chế thông qua hệ thống thu mua phế liệu và phương pháp tự xử lý truyền thống ở nông thôn. Các địa phương đang từng bước phát triển hạ tầng xử lý rác theo hướng hiện đại, tăng tái chế và thu hồi năng lượng.

Đối với chất thải nguy hại, công tác kiểm soát đã được tăng cường trên toàn chuỗi từ phát sinh đến xử lý, với 122 cơ sở xử lý được cấp phép tính đến tháng 12/2024. Tỷ lệ chất thải nguy hại được quản lý, xử lý đạt 98,06%, tăng khoảng 19% so với năm 2015.

Quản lý phế liệu nhập khẩu cũng được siết chặt thông qua hoàn thiện hành lang pháp lý và phối hợp giữa ngành Môi trường với Hải quan và địa phương trong giám sát, kiểm tra việc sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. Các container phế liệu tồn đọng tại cảng biển đã được tập trung xử lý, đồng thời tăng cường kiểm soát vi phạm. Đến tháng 8/2025, có 35 cơ sở được cấp phép nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất với tổng khối lượng cho phép 658.827 tấn/năm.

Quy hoạch, phát triển mạng lưới quan trắc môi trường, xây dựng báo cáo môi trường

Công tác quan trắc môi trường thời gian qua được triển khai theo hướng mở rộng mạng lưới và nâng cao chất lượng dữ liệu, tập trung vào các đô thị lớn, LVS chính, vùng kinh tế trọng điểm, khu công nghiệp và các dự án khai thác tài nguyên. Bộ đã đầu tư và vận hành 27 trạm quan trắc không khí tiêu chuẩn tại 22 tỉnh, thành phố; ngoài ra còn có 10 trạm kết hợp khí tượng thủy văn. Bên cạnh đó, ngành Môi trường cũng đã tiếp cận và ứng dụng các mô hình dự báo tiên tiến như CMAQ (Mỹ) và SILAM (châu Âu, Phần Lan), qua đó xây dựng



và công bố bản tin dự báo chất lượng không khí ngắn hạn 24–48 giờ trên phạm vi toàn quốc và theo 6 vùng kinh tế – xã hội, phục vụ công tác quản lý và cảnh báo cộng đồng. Ở cấp địa phương, 30 tỉnh, thành đã xây dựng và vận hành 95 trạm quan trắc không khí tự động, tạo nền tảng quan trọng cho việc theo dõi diễn biến chất lượng môi trường theo thời gian thực.

Song song với đó, việc xây dựng hệ thống báo cáo môi trường được duy trì thường xuyên, với 15 báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia đã được công bố, trong đó có 3 báo cáo tổng quan theo chu kỳ 5 năm (2005–2010, 2010–2015, 2016–2020), cung cấp nguồn thông tin, dữ liệu khách quan phục vụ nghiên cứu khoa học và hoạch định chính sách.

Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm BVMT

Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT được triển khai mạnh mẽ, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong xã hội thông qua nhiều sự kiện quy mô như Ngày Môi trường thế giới, Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn, Ngày Trái đất, Ngày ĐDSH thế giới, Giải thưởng Môi trường Việt Nam và Liên hoan phim môi trường. Ngành Môi trường cũng đã chủ trì tổ chức thành công bốn kỳ Hội nghị môi trường toàn quốc với gần 4.000 đại biểu tham dự, trở thành diễn đàn lớn quy tụ các nhà quản lý, chuyên gia, doanh nghiệp và cộng đồng quan tâm đến BVMT. Bên cạnh đó, hàng trăm tổ chức, cá nhân đã được tôn vinh thông qua các giải thưởng trong nước và quốc tế như Giải thưởng Quốc gia Công nghệ xanh, Giải thưởng ASEAN về ĐDSH và Giải thưởng Môi trường Việt Nam.

Nhờ các hoạt động tuyên truyền và nỗ lực quản lý, công tác BVMT từ năm 1993 đến nay đã đạt nhiều chuyển biến tích cực: xu hướng suy giảm nhanh chất lượng môi trường được kiểm chế, mức độ ô nhiễm ở nhiều nơi không tăng hoặc tăng không đáng kể, nhiều tác động tiêu cực từ hoạt động phát triển KT-XH được ngăn ngừa hiệu quả. Việt Nam đã chuyển từ thế bị động sang chủ động trong ứng phó, xử lý các sự cố môi trường, góp phần giảm điểm nóng và bức xúc trong xã hội. Các kết quả này đóng góp quan trọng vào việc nâng cao chỉ số PTBV của Việt Nam, đưa nước ta lên vị trí 54/166 quốc gia và vùng lãnh thổ năm 2024, tăng 34 bậc so với năm 2016, xếp thứ hai ASEAN.

2. BỐI CẢNH VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG THỜI KỲ MỚI

BVMT giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là một trong ba trụ cột của PTBV. Tuy nhiên, công tác BVMT hiện nay đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức cả trong và ngoài nước. Trên bình diện quốc tế, tăng

trường kinh tế toàn cầu giai đoạn 2022–2030 được dự báo ở mức thấp, toàn cầu hóa chậm lại, cạnh tranh chiến lược và xung đột khu vực gia tăng, đầu tư quốc tế suy giảm và tái cấu trúc theo hướng xanh, số hóa, trong khi các tiêu chuẩn môi trường, đặc biệt từ EU, ngày càng khắt khe. Ở trong nước, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và hội nhập sâu rộng tạo ra áp lực lớn lên môi trường, nguy cơ ô nhiễm xuyên biên giới và nhập khẩu công nghệ lạc hậu gia tăng, chi phí sức khỏe do ô nhiễm tăng mạnh từ 0,3% GDP năm 2015 lên 1,2% GDP năm 2020. Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước đặt mục tiêu tăng trưởng cao, BVMT trở thành yêu cầu cấp thiết, đòi hỏi phát huy vai trò khoa học, công nghệ và các công cụ quản lý môi trường, thúc đẩy chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh, tuần hoàn, ít các-bon để bảo đảm phát triển nhanh, bền vững. Trước những yêu cầu đó, định hướng công tác quản lý nhà nước về BVMT trong thời gian tới tiếp tục được xác định rõ ràng, đồng bộ và phù hợp với bối cảnh mới.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về BVMT; cải cách mạnh mẽ TTHC; tăng cường phân cấp, phân quyền

Trong thời gian tới, việc hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về BVMT tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Các văn bản hướng dẫn và quy định chi tiết thi hành Luật BVMT năm 2020 sẽ được hoàn thiện đồng bộ, bảo đảm triển khai hiệu quả trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy mới. Cùng với đó, ngành Môi trường sẽ rà soát nghiêm túc, cắt giảm và đơn giản hóa các thủ tục hành chính, đồng thời đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương nhằm nâng cao tính chủ động và hiệu quả quản lý.

Quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cũng sẽ được đổi mới theo hướng tiếp cận hiện đại, đồng bộ và tương đương với các quốc gia phát triển, lấy chất lượng sống và sức khỏe người dân làm tiêu chí ưu tiên. Việc cập nhật tiến bộ KH&CN sẽ được thực hiện thường xuyên để bảo đảm kiểm soát hiệu quả các dòng thải xuyên biên giới, ngăn chặn nguy cơ Việt Nam trở thành điểm tiếp nhận công nghệ lạc hậu.

Song song với đó, ngành tập trung hoàn thiện các chính sách hỗ trợ chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và nền kinh tế các-bon thấp, tạo nền tảng quan trọng cho BVMT và phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Tăng cường năng lực tổ chức thực hiện công tác BVMT

Trong thời gian tới, công tác BVMT sẽ tiếp tục tập trung bố trí và sử dụng nguồn lực theo hướng trọng tâm, ưu tiên giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn tại kéo dài, đặc biệt trong xử lý chất thải và phục hồi môi



trường. Việc đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư được xem là giải pháp quan trọng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về hạ tầng xử lý và cải thiện môi trường. Song song với đó, năng lực quan trắc và kết nối dữ liệu giữa Trung ương và địa phương sẽ được tăng cường, hướng tới xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, phục vụ hiệu quả công tác giám sát và cảnh báo. Công tác kiểm soát nguồn thải lớn như KCN, CCN và làng nghề tiếp tục được siết chặt thông qua yêu cầu bắt buộc có hệ thống xử lý nước thải tập trung và rà soát, lập phương án di dời các CCN gây ô nhiễm. Ngành cũng thực hiện Chương trình tăng cường năng lực phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cấp quốc gia đến năm 2030, xây dựng kế hoạch ứng phó tại các cấp và cơ sở; đồng thời ngăn chặn nhập khẩu chất thải trái phép, công nghệ lạc hậu và tăng cường kiểm soát các vấn đề môi trường xuyên biên giới.

Một trọng tâm khác là quản lý tài nguyên nước và kiểm soát ô nhiễm tại các LVS lớn thông qua đánh giá sức chịu tải, xây dựng kế hoạch quản lý nước mặt và triển khai nghiêm chỉnh Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 24/1/2025, nhất là đối với hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải. Các nguồn lực xã hội sẽ tiếp tục được huy động đầu tư hạ tầng xử lý nước thải sinh hoạt. Trong lĩnh vực không khí, ngành tập trung thực hiện Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025, chuẩn bị kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 và triển khai Đề án khắc phục ô nhiễm tại các đô thị. Lộ trình chuyển đổi xanh trong giao thông công cộng, loại bỏ phương tiện cũ nát, nghiên cứu khu vực phát thải thấp và kiểm soát khí thải xây dựng sẽ được đẩy mạnh; cùng với việc đầu tư mạng lưới quan trắc không khí, hoàn thiện cơ sở dữ liệu kết nối, thúc đẩy nông nghiệp phát thải thấp, hạ tầng xanh, năng lượng tái tạo, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương và tăng cường truyền thông, huy động cộng đồng tham gia BVMT.

Công tác quản lý chất thải tiếp tục được coi là nhiệm vụ ưu tiên, tập trung vào chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa và chất thải nguy hại. Các giải pháp chính bao gồm đẩy mạnh phân loại tại nguồn, đầu tư hạ tầng xử lý hiện đại, giảm tỷ lệ chôn lấp xuống dưới 30% vào năm 2025, bảo đảm 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý, trong đó 40% được đốt phát điện hoặc tái chế. Việc thực hiện cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) sẽ góp phần thúc đẩy ngành tái chế hiện đại, kiểm soát chất thải nhựa và quản lý chặt chẽ chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại, chất thải điện tử, chất thải xây dựng và chất thải nông nghiệp - thực phẩm.

Ứng dụng KH&CN, thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng CSDL về môi trường

Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột

phá phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó nhấn mạnh phát triển và trọng dụng đội ngũ nhân lực chất lượng cao, nhân tài trong lĩnh vực BVMT. Một trong những trọng tâm là xây dựng nền tảng số phục vụ giám sát, thu thập và quản lý dữ liệu môi trường, đồng thời thực hiện cơ chế giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tạo điều kiện thúc đẩy đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả tài nguyên, ít chất thải và phát thải các-bon thấp.

Cùng với đó, việc xây dựng hệ thống thông tin môi trường sẽ được đẩy mạnh để tích hợp đồng bộ vào hệ thống thông tin quốc gia. Ngành cũng định hướng áp dụng rộng rãi kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT), công nghệ cao và các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0, CNTT, viễn thám trong quản lý, quan trắc, kiểm tra, giám sát và cảnh báo môi trường, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực ứng phó trước các thách thức môi trường mới.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về BVMT

Tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác bền vững với các đối tác truyền thống và mở rộng hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế khác nhằm huy động nguồn lực quốc tế cho hoạt động BVMT của Việt Nam. Tăng cường xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án, dự án về BVMT chung trong khuôn khổ các thỏa thuận song phương, đa phương về môi trường.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, thúc đẩy các mô hình, điển hình về BVMT

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến và nâng cao năng lực thực thi các quy định pháp luật về BVMT bằng các hình thức đa dạng, phù hợp với xu thế chuyển đổi số. Thực hiện chương trình truyền thông mạnh mẽ để tạo thành phong trào rộng lớn, thường xuyên và liên tục trong toàn dân, nhất là trong phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, hạn chế sử dụng nhựa, túi nilon khó phân hủy, sử dụng một lần, lối sống thân thiện với môi trường.

Những kết quả đã đạt được trong thời gian qua là tiền đề quan trọng để toàn ngành Môi trường tự tin bước tiếp, phát huy tinh thần đoàn kết, đổi mới, sáng tạo và khát vọng cống hiến vì một Việt Nam PTBV. Với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng, Chính phủ, sự vào cuộc của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân, ngành Môi trường sẽ hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đã đề ra, đóng góp tích cực vào việc thực hiện các cam kết quốc tế về BVMT, bảo vệ quyền được sống trong môi trường trong lành cho thế hệ hôm nay và mai sau ■